

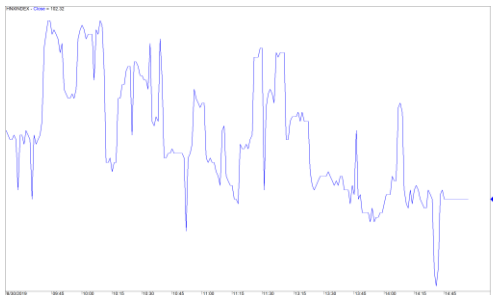
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	984.06	102.32	57.83
% ngày	0.56%	0.37%	-0.12%
% tuần	-0.85%	-0.90%	-0.21%
% tháng	-0.20%	-2.02%	-1.03%
% năm	-1.40%	-9.92%	11.68%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	2,988	296	373
TB 1 tuần	3,682	334	495
TB 1 tháng	4,321	378	481
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	472.19	9.91	27.13
Bán	439.79	9.42	7.90
Giá trị ròng	32.41	0.49	19.23
Độ rộng TT			
Mã Tăng	177	93	183
Mã Giảm	123	51	121
Không Đổi	88	224	592
Chỉ số chính			
P/E	16.49	9.10	19.53
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,312	187	1,032
LS Cổ tức	1.25%	4.54%	4.79%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch tích cực trước kỳ nghỉ lễ khi tăng từ đầu phiên và giữ đà tăng này cho tới cuối phiên. VN-Index đóng cửa cộng thêm 5.47 điểm tương ứng 0.56% neo tại 984.06 điểm trong khi chỉ số HNX-Index cũng tăng 0.37% dừng tại 102.32 điểm. Chỉ số Upcom-Index ngược lại giảm 0.13% tạm dừng tại 57.83 điểm. Dòng tiền ở mức trung bình với giá trị giao dịch đạt 3,236 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Nhóm bluechip và Mid-Cap có diễn biến khá tích cực. Sắc xanh chiếm ưu thế trong VN30-Index với 19 mã tăng và chỉ 5 mã giảm trong rổ chỉ số này. SBT(+3.8%), DPM(+1.9%), GMD(+1.4%), MWG(+1.7%) là những mã có mức tăng khá nhất. BID nổi bật khi tăng 2.2%, hiện đang đóng cửa tại 38,750 mức giá cao nhất từ cuối tháng 4.2018. 5 mã giảm trong VN30-Index gồm EIB, HDB, MBB, VPB, CTD. Nhóm Mid-Cap xuất hiện nhiều mã tăng khá mạnh như BMP(+4.9%), VSC(+4.6%), AAA(+3.8%), HCM(+3.7%), PC1(+3.1%), CTI(+3%)... Trong khi đó, nhóm Small-Cap phân hóa hơn khi DPG, TIP, HVH, HDC giảm sàn hay gần sàn. Về nhóm ngành, nhóm Logistic, Cảng biển là điểm sáng với các cái tên như GMD, HAH, VOS, DVP.

Khối ngoại mua ròng phiên thứ 3 liên tiếp với 52 tỷ đồng trên cả ba sàn tập trung ở VNM(22.9 tỷ), VHM(11.4 tỷ). Ở chiều bán, VRE(36.7 tỷ), TCD(7.8 tỷ) dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định vùng 990 điểm trong các phiên giao dịch đầu tuần tới. Thị trường vẫn đang trong giai đoạn tích lũy và dòng tiền có thể sẽ tiếp tục phân hóa, áp lực chốt lời có chiều hướng gia tăng ở các nhóm cổ phiếu đã tăng nhiều như nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp cho thấy dòng tiền có thể sẽ có sự dịch chuyển qua nhóm cổ phiếu khác như bất động sản, cảng biển và logistic. Đồng thời, dòng tiền đã có sự cải thiện tích cực hơn, nhưng vẫn còn thấp cho nên chúng tôi nghiêng về kịch bản “sideways” trong tuần giao dịch tới và chỉ số VN-Index có thể sẽ chưa thể vượt hoàn toàn vùng kháng cự 980 – 990 điểm. Ngoài ra, tỷ trọng ngắn hạn tiếp tục giảm dưới mức 50% cho thấy các nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index với mức hỗ trợ ở mức 976.64 điểm và mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 104.35 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể xem xét cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng cổ phiếu, đặc biệt nên ưu tiên hạ tỷ trọng ở nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp khi nhiều cổ phiếu trong nhóm này đã xác lập xu hướng giảm ngắn hạn.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 48% cổ phiếu/52% tiền.

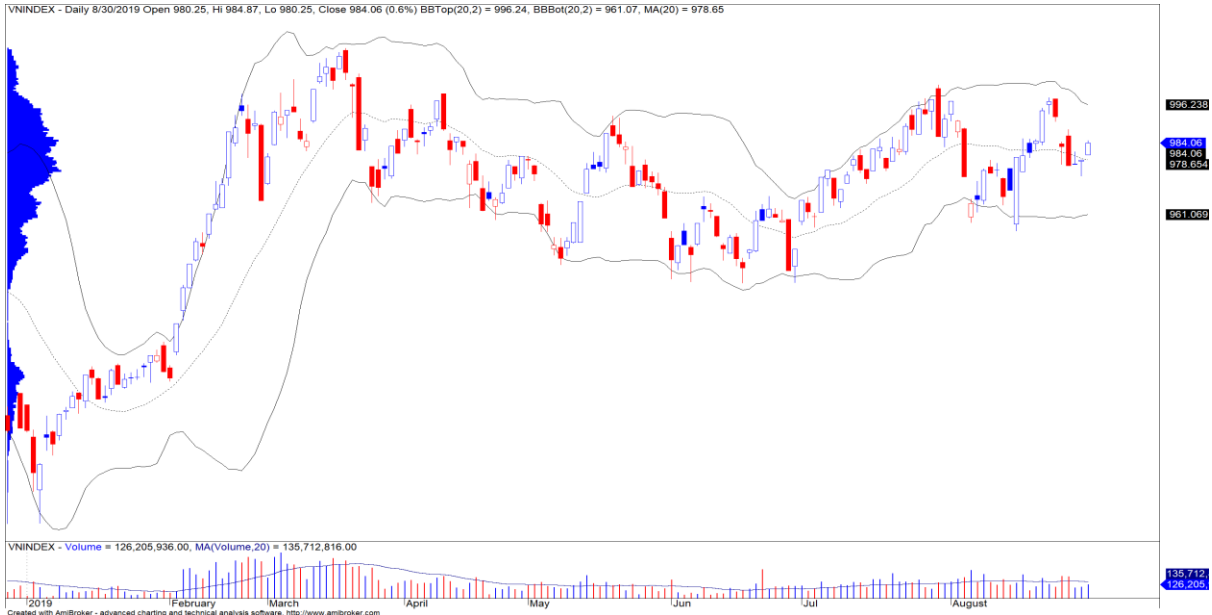
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.40	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ACB	22.20	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-2.20%			23.85		
ACV	82.50	GIẢM	TĂNG		84.63			90.00	81.77	-8.33%	
ANV	24.65	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.55				6.91		
BFC	15.10	GIẢM	GIẢM		16.07				17.86		
BID	38.75	TĂNG	TĂNG	32.65	36.15	18.68%		33.40	33.64	16.02%	
BMP	50.00	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	3.52%	
BSR	9.50	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	76.00	GIẢM	GIẢM		79.18			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
BWE	26.45	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-2.76%		20.00	25.45	32.25%	
CEO	10.10	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	21.05	TĂNG	GIẢM	21.05	20.86	0.00%	MUA		22.73		
CMG	39.70	TĂNG	TĂNG	40.15	38.51	-1.12%		23.20	34.96	71.12%	
CMX	33.00	TĂNG	TĂNG	30.30	31.00	8.91%		5.91	24.85	458.38%	
CSM	15.00	TĂNG	TĂNG	15.40	14.64	-2.60%		14.39	14.22	4.24%	
CTD	94.70	GIẢM	GIẢM		101.07			112.70	99.66	-11.57%	BÁN
CTG	20.20	GIẢM	GIẢM		20.84				22.52		
CTI	23.70	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	60.00	TĂNG	N/A	28.80	58.42	108.33%		-	N/A		
CVT	20.60	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	1.23%	
DCM	8.19	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	28.00	GIẢM	TĂNG		29.45			31.90	27.79	-12.23%	
DGW	23.40	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-0.43%	
DHA	33.20	GIẢM	TĂNG		35.28			29.10	32.95	14.09%	
DHC	31.95	GIẢM	GIẢM		32.69				35.74		
DHG	93.50	GIẢM	GIẢM		95.71				104.89		
DIG	14.35	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	6.69%		13.90	11.60	3.24%	
DPG	44.75	GIẢM	TĂNG		53.82			40.02	44.62	11.83%	
DPM	13.70	GIẢM	GIẢM		13.93				15.49		
DPR	40.90	GIẢM	GIẢM		43.06			42.50	41.14	-3.19%	BÁN
DQC	19.25	TĂNG	GIẢM	19.25	18.53	0.00%	MUA		20.27		
DRC	22.40	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	9.54%		21.60	19.76	3.70%	
DXG	15.50	TĂNG	TĂNG	16.15	14.15	-4.02%		15.50	14.74	0.00%	MUA



We Create Fortune

EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.96			14.70	16.88	14.97%	
FCN	12.50	GIẢM	GIẢM		12.63				13.62		
FMC	28.60	GIẢM	TĂNG		30.30			31.60	25.69	-9.49%	
FPT	53.10	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.48%		46.00	48.54	15.43%	
GAS	100.60	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.37%			109.55		
GEX	20.85	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-6.08%		20.20	18.55	3.22%	
GIL	21.40	GIẢM	GIẢM		23.09				25.90		
GMD	28.60	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	7.72%		28.50	25.99	0.35%	
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	1.06%		15.00	16.84	26.67%	
GVR	15.00	GIẢM	N/A	13.50	15.22	12.74%	BÁN		N/A		
HAG	4.86	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48		
HAX	19.40	GIẢM	TĂNG		20.84			15.75	17.40	23.17%	
HBC	13.50	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-5.26%			15.79		
HCM	20.95	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDB	26.00	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-1.14%			27.77		
HDC	20.45	GIẢM	TĂNG	15.25	21.35	39.97%	BÁN	15.25	17.98	34.10%	
HDG	35.10	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-0.57%	
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	22.20	GIẢM	GIẢM		23.17				23.96		
HSG	6.82	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74		
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVN	36.25	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96		
KBC	16.05	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	0.31%		15.35	14.17	4.56%	
KDH	24.05	TĂNG	TĂNG	22.90	23.47	5.02%		24.00	21.98	0.21%	
KSB	23.35	TĂNG	TĂNG	22.95	23.35	1.74%		23.90	21.11	-2.30%	
LCG	9.53	GIẢM	GIẢM		9.53				10.67		
LDG	9.10	TĂNG	GIẢM	8.18	8.94	11.25%			9.15		
LHG	18.25	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-5.44%	
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33		
LSS	5.10	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-5.38%			5.83		
MBB	23.10	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	4.05%		21.85	20.88	5.72%	
MPC	28.50	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74		
MSN	75.40	TĂNG	GIẢM	78.00	74.67	-3.33%			84.26		
MSR	16.20	GIẢM	GIẢM		17.12				19.11		
MWG	116.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	31.79%	
NDN	17.90	GIẢM	TĂNG	14.10	18.10	28.38%	BÁN	13.70	16.27	30.66%	
NKG	6.28	GIẢM	GIẢM		6.64				6.85		
NLG	30.20	GIẢM	TĂNG		31.52			28.70	28.89	5.23%	

We Create Fortune

NT2	25.50	TĂNG	GIẢM	25.10	24.40	1.59%			26.43		
NTL	24.65	GIẢM	TĂNG		26.22			10.45	23.02	135.89%	
NVL	62.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.60	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-0.85%			12.38		
PAC	28.00	GIẢM	GIẢM		30.26				33.46		
PC1	18.10	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	3.72%			18.38		
PDR	26.45	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-8.79%	
PHR	69.00	GIẢM	TĂNG		74.65			24.00	65.28	187.50%	
PLX	61.50	GIẢM	TĂNG		62.79			62.40	59.59	-1.44%	
PNJ	82.20	GIẢM	TĂNG		85.74			104.00	78.69	-20.96%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVT	17.20	GIẢM	TĂNG	17.45	17.38	-0.40%	BÁN	18.30	16.28	-6.01%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	69.00	TĂNG	TĂNG	69.70	68.32	-1.00%		64.00	64.57	7.81%	
PVB	20.20	GIẢM	TĂNG		21.74			20.10	19.27	0.50%	
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	16.35	17.61	14.07%		18.10	14.79	3.04%	
PVI	35.00	GIẢM	GIẢM		38.00				39.70		
PVS	20.80	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-3.70%			23.52		
PXS	5.10	GIẢM	GIẢM		5.96			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QNS	30.60	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.92%		33.80	27.77	-9.47%	
REE	36.65	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	7.79%		33.33	33.81	9.98%	
SAB	273.00	GIẢM	TĂNG		281.30			245.00	259.03	11.43%	
SAM	7.78	GIẢM	TĂNG		7.99			7.40	7.69	5.14%	
SCR	6.75	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-2.46%			7.11		
SHI	9.68	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	15.38%		6.99	7.62	38.48%	
SJS	17.80	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-3.00%		-	19.89		
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
SSI	21.50	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-2.80%			11.20		
TCB	21.50	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	3.12%			22.22		
TCM	23.55	GIẢM	GIẢM		24.83				27.83		
TDH	10.15	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	7.98%		10.15	10.07	0.00%	MUA
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-3.16%			5.13		
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.87%		62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		19.20	24.08	37.50%	
VCS	89.50	TĂNG	TĂNG	81.10	85.20	10.36%		68.00	76.91	31.62%	
VGC	18.70	TĂNG	GIẢM	19.25	18.30	-2.86%			20.53		
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17				10.12		

We Create Fortune

VHC	80.20	GIẢM	GIẢM		80.54			92.24			
VHM	87.80	TĂNG	TĂNG	87.30	83.69	0.57%		90.20	76.55	-2.66%	
VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	2.94%		17.70	16.40	-1.13%	
VIC	123.50	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.06%		112.00	113.76	10.27%	
VIP	5.12	GIẢM	GIẢM		5.17			5.48			
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%		124.50	124.10	6.02%	
VND	14.00	GIẢM	GIẢM		14.51			16.01			
VNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.10	19.61	7.85%		20.20	17.38	1.98%	
VNM	123.00	GIẢM	GIẢM		123.24			130.37			
VPB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.28%		20.30	19.82	0.00%	MUA
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.38	-1.66%		41.30	39.15	0.48%	
VRC	15.60	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.96%			16.26		
VRE	34.45	GIẢM	TĂNG		35.76			35.00	33.61	-1.57%	
VSC	29.70	TĂNG	GIẢM	28.60	27.46	3.85%			31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.20	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-2.20%			23.85		
BID	38.75	TĂNG	TĂNG	32.65	36.15	18.68%		33.40	33.64	16.02%	
BSR	9.50	GIẢM	GIẢM		9.78				11.23		
BVH	76.00	GIẢM	GIẢM		79.18			85.40	76.69	-10.19%	BÁN
CTG	20.20	GIẢM	GIẢM		20.84				22.52		
EIB	16.90	GIẢM	TĂNG		17.96			14.70	16.88	14.97%	
FPT	53.10	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	17.48%		41.00	48.54	29.52%	
GAS	100.60	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-4.37%			109.55		
HDB	26.00	TĂNG	GIẢM	26.30	25.54	-1.14%			27.77		
HNG	17.00	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	-0.58%	
HPG	22.20	GIẢM	GIẢM		23.17				23.96		
HVN	36.25	GIẢM	GIẢM		37.57				42.96		
KDH	24.05	TĂNG	TĂNG	22.90	23.47	5.02%		24.00	21.98	0.21%	
MBB	23.10	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	4.05%		21.27	20.88	8.60%	
MSN	75.40	TĂNG	GIẢM	78.00	74.67	-3.33%			84.26		
MWG	116.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	31.79%	
NVL	62.30	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	11.60	TĂNG	GIẢM	11.70	11.23	-0.85%			12.38		
PLX	61.50	GIẢM	TĂNG		62.79			59.97	59.59	2.55%	



We Create Fortune

PNJ	82.20	GIẢM	TĂNG		85.74			77.88	78.69	5.55%	
POW	12.90	GIẢM	GIẢM		13.46				14.83		
PVS	20.80	TĂNG	GIẢM	21.60	20.11	-3.70%			23.52		
QNS	30.60	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-1.92%		33.80	27.77	-9.47%	
REE	36.65	TĂNG	TĂNG	34.00	35.39	7.79%		33.33	33.81	9.98%	
ROS	28.00	TĂNG	GIẢM	27.50	24.78	1.82%			29.25		
SSI	21.50	GIẢM	GIẢM		22.27				24.29		
STB	10.40	TĂNG	GIẢM	10.70	10.11	-2.80%			11.20		
TCB	21.50	TĂNG	GIẢM	20.85	20.95	3.12%			22.22		
TPB	23.25	TĂNG	GIẢM	23.00	22.25	1.09%			N/A		
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.87%		62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.40	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.22%		18.44	24.08	43.16%	
VEA	55.20	TĂNG	GIẢM	54.50	51.57	1.28%			N/A		
VGI	35.90	TĂNG	GIẢM	29.50	34.18	21.69%			N/A		
VHM	87.80	TĂNG	TĂNG	87.30	83.69	0.57%		90.20	76.55	-2.66%	
VIB	17.50	TĂNG	TĂNG	17.00	17.30	2.94%		17.70	16.40	-1.13%	
VIC	123.50	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.06%		112.00	113.76	10.27%	
VJC	132.00	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-1.86%		124.50	124.10	6.02%	
VNM	123.00	GIẢM	GIẢM		123.24				130.37		
VPB	20.30	TĂNG	TĂNG	19.10	19.63	6.28%		20.30	19.82	0.00%	MUA
VRE	34.45	GIẢM	TĂNG		35.76			34.00	33.61	1.34%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16.40	GIẢM	GIẢM		16.70			16.85	16.52	-1.95%	BÁN
ANV	24.65	GIẢM	GIẢM		25.40				28.27		
ASM	6.25	GIẢM	GIẢM		6.55				6.91		
BMP	50.00	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	3.52%	
BWE	26.45	TĂNG	TĂNG	27.20	26.18	-2.76%		19.44	25.45	36.06%	
C4G	7.90	GIẢM	GIẢM		8.38				9.61		
CEO	10.10	GIẢM	GIẢM		10.48				11.33		
CII	21.05	TĂNG	GIẢM	21.05	20.86	0.00%	MUA		22.73		
CRE	25.15	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-0.98%			26.06		
CTI	23.70	GIẢM	GIẢM		24.30				24.64		
CTR	60.00	TĂNG	#N/A	28.80	58.42	108.33%		-	#N/A		
DCM	8.19	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		

We Create Fortune

DHC	31.95	GIẢM	GIẢM		32.69			35.74		
DIG	14.35	TĂNG	TĂNG	13.45	13.83	6.69%		13.90	11.60	3.24%
DPM	13.70	GIẢM	GIẢM		13.93			15.49		
DRC	22.40	TĂNG	TĂNG	20.45	21.35	9.54%		21.60	19.76	3.70%
DXG	15.50	TĂNG	TĂNG	16.15	14.15	-4.02%		15.50	14.74	0.00%
E1VFN30	14.88	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	1.78%			15.16	
FCN	12.50	GIẢM	GIẢM		12.63				13.62	
FLC	3.80	GIẢM	GIẢM		3.99				4.34	
FTM	10.10	GIẢM	GIẢM		12.49				20.36	
GEG	27.40	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	20.18%		12.90	23.98	112.40%
GEX	20.85	TĂNG	TĂNG	22.20	19.77	-6.08%		20.20	18.55	3.22%
GMD	28.60	TĂNG	TĂNG	26.55	27.45	7.72%		28.50	25.99	0.35%
GTN	19.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	1.06%		15.00	16.84	26.67%
GVR	15.00	GIẢM	#N/A	13.50	15.22	12.74%	BÁN	-	#N/A	
HAG	4.86	GIẢM	GIẢM		5.03				5.48	
HBC	13.50	TĂNG	GIẢM	14.25	13.27	-5.26%			15.79	
HCM	20.95	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15	
HDG	35.10	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-0.57%
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A	
HSG	6.82	GIẢM	GIẢM		7.05				7.74	
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70	
IBC	20.40	GIẢM	TĂNG		21.27			24.90	20.15	-18.07%
IDI	6.29	GIẢM	GIẢM		6.56				7.19	
IJC	14.95	TĂNG	TĂNG	11.35	14.43	31.72%		13.10	12.96	14.12%
ITA	3.35	GIẢM	TĂNG		3.51			3.20	2.96	4.69%
KBC	16.05	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	0.31%		15.35	14.17	4.56%
KSB	23.35	TĂNG	TĂNG	22.95	23.35	1.74%		23.90	21.11	-2.30%
LDG	9.10	TĂNG	GIẢM	8.18	8.94	11.25%			9.15	
LPB	7.70	GIẢM	GIẢM		7.94				8.33	
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG		15.98			16.00	14.25	-5.00%
MPC	28.50	GIẢM	GIẢM		31.01				36.74	
NBB	20.60	GIẢM	TĂNG		21.06			21.50	19.30	-4.19%
NKG	6.28	GIẢM	GIẢM		6.64				6.85	
NLG	30.20	GIẢM	TĂNG		31.52			28.70	28.89	5.23%
NT2	25.50	TĂNG	GIẢM	25.10	24.40	1.59%			26.43	
NTC	183.30	TĂNG	TĂNG	194.30	180.16	-5.66%		120.00	162.94	52.75%
NTL	24.65	GIẢM	TĂNG		26.22			9.33	23.02	164.16%
NVB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.53				8.41	

We Create Fortune

OGC	3.91	GIẢM	GIẢM		4.12				4.54		
PC1	18.10	TĂNG	GIẢM	17.45	17.23	3.72%			18.38		
PDR	26.45	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	12.10%	
PHR	69.00	GIẢM	TĂNG		74.65			22.86	65.28	201.78%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.54				29.10		
PTB	69.00	TĂNG	TĂNG	69.70	68.32	-1.00%		60.78	64.57	13.52%	
PVD	18.65	TĂNG	TĂNG	16.35	17.61	14.07%		18.10	14.79	3.04%	
PVI	35.00	GIẢM	GIẢM		38.00				39.70		
PVT	17.20	GIẢM	TĂNG	17.45	17.38	-0.40%	BÁN	18.30	16.28	-6.01%	
QCG	4.88	GIẢM	GIẢM		4.92				5.28		
SAM	7.78	GIẢM	TĂNG		7.99			7.40	7.69	5.14%	
SBT	16.50	TĂNG	GIẢM	16.50	16.36	0.00%	MUA		17.18		
SCR	6.75	TĂNG	GIẢM	6.92	6.61	-2.46%			7.11		
SHB	6.30	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	7.70	GIẢM	GIẢM		8.25				9.43		
SJS	17.80	TĂNG	GIẢM	18.35	17.24	-3.00%			19.89		
STK	22.10	TĂNG	GIẢM	22.10	22.07	0.00%	MUA		24.36		
SZC	21.80	GIẢM	#N/A		24.56			-	#N/A		
TCH	22.75	TĂNG	TĂNG	22.05	21.69	3.17%		22.50	20.12	1.11%	
TCM	23.55	GIẢM	GIẢM		24.83				27.83		
TNG	18.20	GIẢM	GIẢM		19.29				21.22		
TTB	24.35	TĂNG	TĂNG	22.60	24.18	7.74%		24.50	22.70	-0.61%	
VCI	32.80	GIẢM	TĂNG		34.84			36.00	30.78	-8.89%	
VGT	8.80	GIẢM	GIẢM		9.17				10.12		
VHC	80.20	GIẢM	GIẢM		80.54				92.24		
VND	14.00	GIẢM	GIẢM		14.51				16.01		
VNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.10	19.61	7.85%		20.20	17.38	1.98%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.38	-1.66%		41.30	39.15	0.48%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	11.00	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	5.00	TĂNG	TĂNG	4.40	4.86	13.64%		3.99	4.04	25.31%	
AMD	1.60	TĂNG	GIẢM	1.66	1.55	-3.61%			1.89		
APG	8.70	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-12.12%	
ART	2.00	GIẢM	GIẢM		2.35				2.65		

We Create Fortune

BCC	7.80	TĂNG	GIẢM	8.10	7.46	-3.70%			8.95		
BCG	8.10	TĂNG	TĂNG	5.82	6.96	39.18%		6.39	5.94	26.76%	
C69	20.00	GIẢM	TĂNG		20.81			5.30	16.85	277.36%	
CCL	9.19	TĂNG	TĂNG	6.38	8.39	44.04%		3.46	6.83	165.61%	
CRC	16.65	GIẢM	TĂNG	18.70	17.01	-9.06%	BÁN	18.90	15.04	-11.90%	
CVT	20.60	GIẢM	TĂNG		21.19			20.35	18.94	1.23%	
DAG	6.97	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	6.41%		7.09	6.22	-1.69%	
DAH	10.40	GIẢM	GIẢM		12.43			4.66	11.33	142.82%	BÁN
DGW	23.40	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-0.43%	
DLG	1.62	TĂNG	GIẢM	1.61	1.52	0.62%			1.65		
DRH	7.70	TĂNG	GIẢM	7.73	7.00	-0.39%			7.76		
DTD	17.60	TĂNG	TĂNG	15.90	16.08	10.69%		12.90	13.45	36.43%	
EVG	2.65	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-5.36%			3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.69			3.64	3.03	-6.59%	
GKM	15.20	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	1.33%			15.54		
HAH	15.90	TĂNG	TĂNG	12.80	14.52	24.22%		13.00	13.48	22.31%	
HAI	1.64	GIẢM	GIẢM		1.74				1.93		
HAP	3.37	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-8.17%	
HAR	3.71	TĂNG	GIẢM	3.56	3.44	4.21%			3.88		
HCD	3.60	GIẢM	GIẢM		3.73				4.20		
HDA	10.60	GIẢM	GIẢM		11.48			11.30	11.25	-0.44%	BÁN
HDC	20.45	GIẢM	TĂNG	15.25	21.35	39.97%	BÁN	15.25	17.98	34.10%	
HHP	11.30	GIẢM	GIẢM		12.15				13.79		
HHS	2.99	GIẢM	GIẢM		3.08				3.37		
HII	11.70	TĂNG	GIẢM	11.45	10.82	2.18%			12.29		
HQC	1.36	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.16	TĂNG	GIẢM	8.10	8.48	13.09%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	3.05	GIẢM	GIẢM	2.91	3.15	8.18%	BÁN		3.75		
HVH	20.10	GIẢM	#N/A		24.83				#N/A		
JVC	3.22	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	16.67%		3.10	2.41	3.87%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.50		
KMR	2.60	GIẢM	GIẢM		2.80			3.68	2.65	-28.01%	BÁN
LCG	9.53	GIẢM	GIẢM		9.53				10.67		
LGL	10.40	TĂNG	TĂNG	10.60	10.18	-1.89%		7.11	8.90	46.21%	
LHG	18.25	GIẢM	TĂNG		19.09			19.30	17.32	-5.44%	
LMH	16.95	GIẢM	#N/A		17.31			-	#N/A		
MST	2.80	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	0.00%			3.16		
NDN	17.90	GIẢM	TĂNG	14.10	18.10	28.38%	BÁN	13.10	16.27	36.60%	



We Create Fortune

PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.70				13.57		
PVB	20.20	GIẢM	TĂNG		21.74			20.10	19.27	0.50%	
PVC	7.30	GIẢM	TĂNG		7.65			7.10	6.67	2.82%	
PXL	6.10	TĂNG	GIẢM	5.70	5.67	7.02%			6.65		
PXS	5.10	GIẢM	GIẢM		5.96			4.85	5.35	10.37%	BÁN
QBS	3.04	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	-1.30%			3.36		
SFG	8.11	GIẢM	GIẢM		9.04				11.36		
SHI	9.68	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	15.38%		6.23	7.62	55.31%	
SJF	2.71	GIẢM	GIẢM		2.92				3.81		
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.65				12.51		
TDH	10.15	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	7.98%		10.15	10.07	0.00%	MUA
TIG	3.30	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	3.12%	
TLD	5.99	TĂNG	TĂNG	5.35	5.56	11.96%		5.99	5.92	0.00%	MUA
TLH	4.60	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-2.13%			5.13		
TNI	10.35	GIẢM	GIẢM		10.58				11.74		
TTF	3.06	TĂNG	GIẢM	3.15	3.00	-2.86%			3.62		
TTH	2.90	GIẢM	GIẢM		3.20				3.39		
TVB	21.10	GIẢM	GIẢM		24.01			20.10	21.41	6.49%	BÁN
TVC	16.50	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	15.38%	
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.18%	
VCR	22.10	TĂNG	GIẢM	20.50	21.62	7.80%			25.98		
VNE	3.24	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-3.28%			3.70		
VPG	21.60	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	0.93%		20.46	19.34	5.60%	
VRC	15.60	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	1.30%			16.26		
YBM	9.60	GIẢM	GIẢM		10.40				12.01		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	984.06	0.56%
VN30	892.51	0.38%
VN Mid	973.33	0.47%
VN Small	822.74	-0.14%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.32	0.37%
HN30	188.34	-0.09%
VNX AllSh	868.12	0.41%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.83	-0.12%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	472.19	
Bán	439.79	
GT rỗng	32.41	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.91	
Bán	9.42	
GT rỗng	0.49	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	27.13	
Bán	7.90	
GT rỗng	19.23	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DQC	1250	6.94%
QCG	290	6.32%
CTS	560	6.26%
HAH	900	6.00%
DVP	2300	5.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	700	4.02%
VIX	200	3.33%
PVS	300	1.46%
VCR	300	1.38%
TVC	200	1.23%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BSR	400	4.40%
EVF	300	3.95%
OIL	200	1.75%
GEG	200	0.74%
IDC	100	0.52%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	-3350	-6.96%
HDC	-1500	-6.83%
TIP	-2200	-6.75%
TVB	-1400	-6.22%
RAL	-4400	-5.37%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-6500	-8.50%
NDN	-600	-3.24%
PVI	-800	-2.23%
TNG	-100	-0.55%
TAR	-100	-0.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-2700	-13.04%
SNZ	-2300	-7.12%
SIP	-8400	-6.39%
NHH	-1300	-5.14%
GVR	-600	-3.85%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	413,223	
VHM	294,087	
VCB	288,180	
VNM	214,189	
GAS	192,543	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,993	
VCS	14,034	
VCG	11,661	
PVS	9,942	
PVI	8,089	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,543	
VGI	109,565	
VEA	72,810	
GVR	60,896	
MCH	51,991	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	12,967,190	19,142,049
VRE	5,451,940	3,607,764
FLC	5,127,830	4,215,479
TCH	4,085,710	914,216
MBB	3,983,320	4,492,723

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	3,410,721	2,720,397
SHB	2,124,956	4,155,318
KLF	1,241,018	365,300
VIX	1,144,436	206,717
ART	1,142,785	615,194

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GEG	3,093,910	886,665
BSR	2,110,682	1,467,951
GVR	1,975,410	1,642,891
HTM	1,068,605	376,863
PXL	961,135	475,320

Nguồn: Bloomberg & YSVN

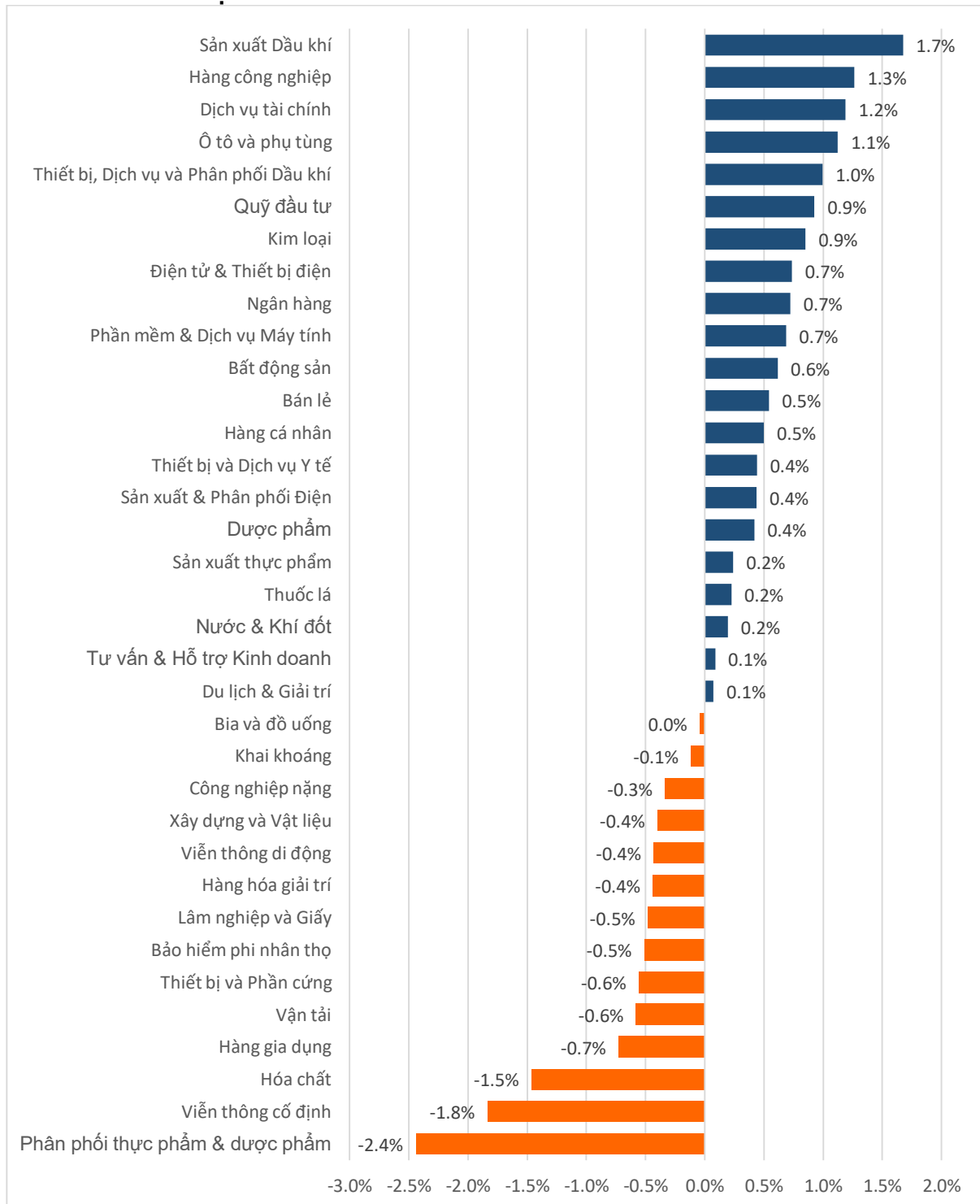
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



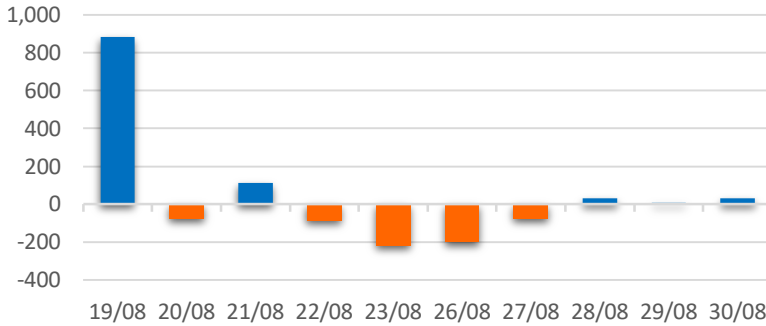
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

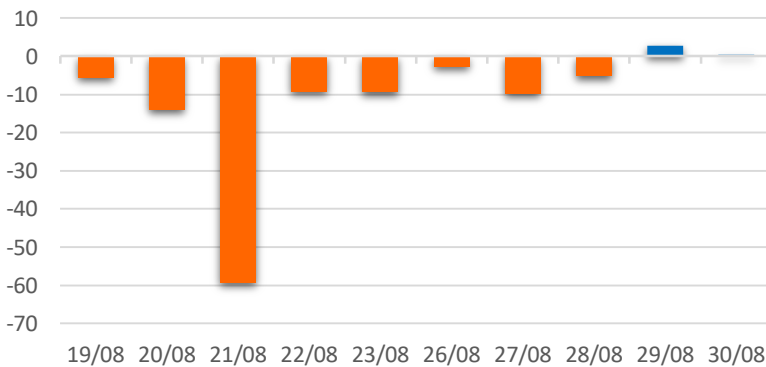
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	22,903	VRE	36,769
VHM	11,369	TCD	7,800
NVL	9,473	VHC	6,834
VIC	8,110	HDB	6,058
KDH	6,177	HDC	5,885

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

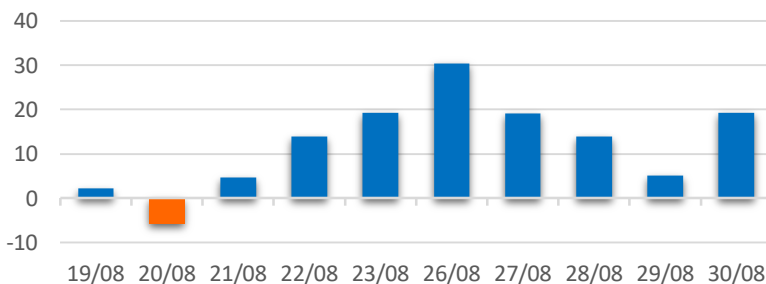
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	3,134	PVS	5,169
VCS	900	TNG	362
PMC	293	ART	200
EID	242	TIG	132
IDV	224	S55	33

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	11,053	PXL	348
BCM	2,749	MPC	271
OIL	2,440	ACV	253
VEA	2,063	CTR	246
VTP	844	SGP	130

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



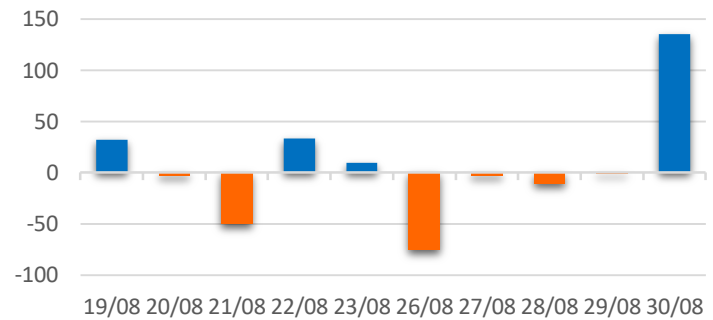
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

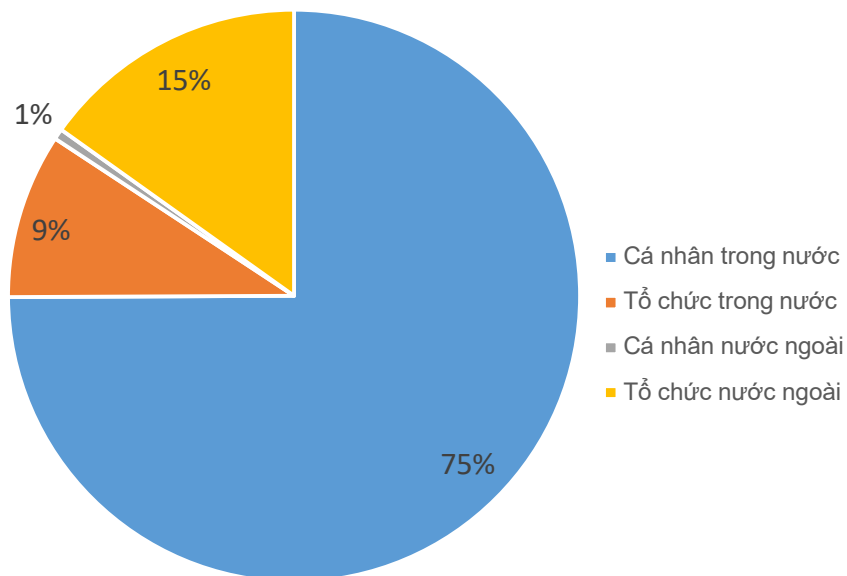
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MBB	4,658	MWG	11,607
VHM	3,500	GMD	7,428
VHM	3,500	KDH	4,670
IJC	2,551	GEX	3,784
FPT	1,810	VPB	835

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

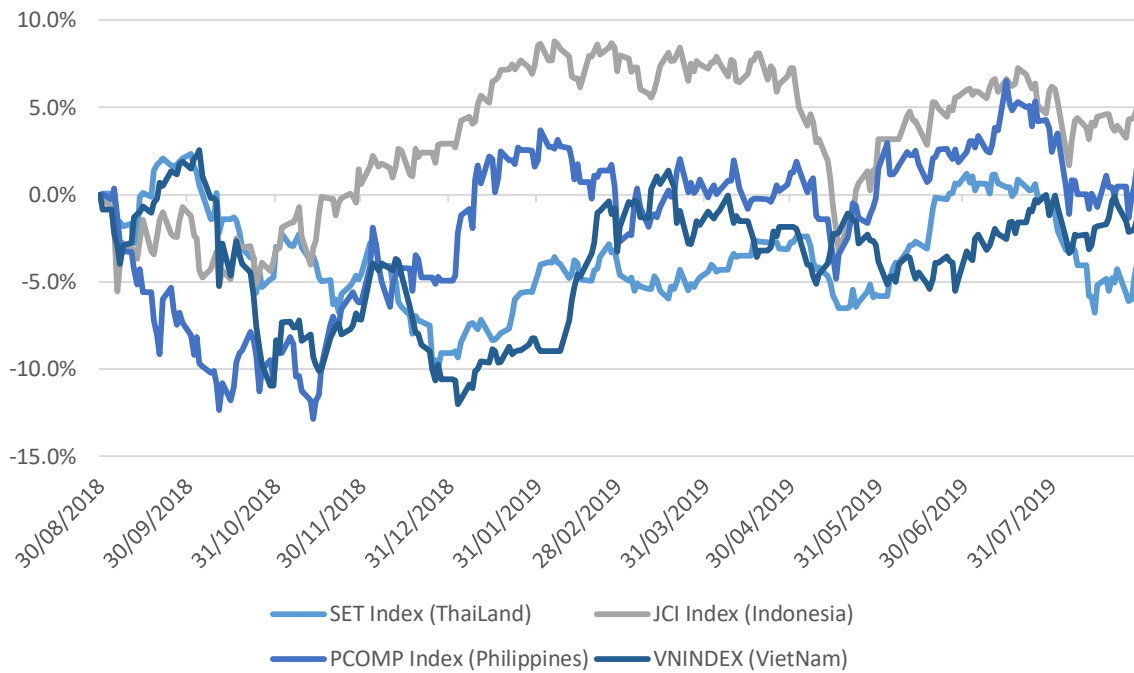


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

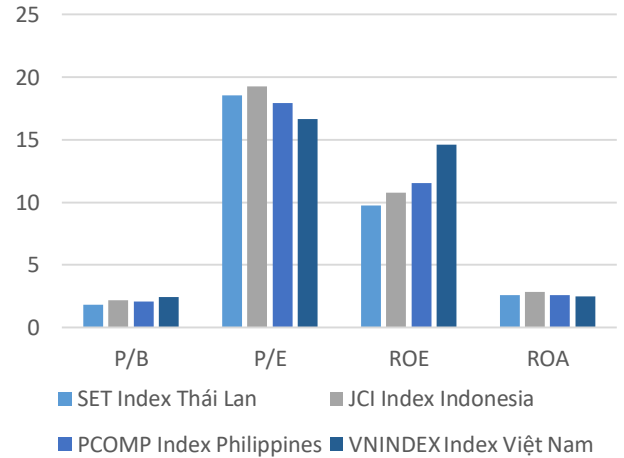
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.1x	2.4x
P/E		18.5x	19.3x	17.9x	16.7x
ROE	%	9.73	10.75	11.55	14.62
ROA	%	2.56	2.82	2.59	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	549.88	509.87	190.07	142.74
GTGD	Triệu USD	1.65	0.43	0.09	0.11
LS cổ tức	%	3.13	2.44	1.64	1.84

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written